TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2023/DS-ST
Ngày: 29 – 12 – 2023
V/v tranh chấp về dân sự
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;

2. Ông Trần Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 29 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 240/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 244/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*:

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1981;

2. Bà Phạm Thị C (tên gọi khác là Phạm Thị L), sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Số nhà B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D có mặt tại phiên tòa; ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Ngày 29/7/2020 âm lịch, bà D cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị C vay số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Ông H và bà C cam kết "*Hứa trả mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu đồng) vào ngày 29 âm lịch và có hứa thêm, có nhiều trả nhiều hơn số tiền ba triệu đồng cho đến tháng 2 âm lịch 2021 là trả dứt 60.000.000 (Sáu chục triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Ngọc D*". Tuy nhiên, ông H và bà C không thực hiện theo cam kết mà chỉ trả tiền đến tháng 5/2022 được tổng cộng là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), hiện nay còn thiếu lại số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) thì không trả nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc D yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị C liên đới trả cho bà Duyên số tiền vay còn thiếu là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng),

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt và có văn bản trình bày:

Trước đây ông H và bà C có nhiều lần vay tiền rồi trả tiền cho bà D, mục đích vay để làm rẫy trong gia đình; đến ngày 29/7/2020 âm lịch thì ông H ký tên vào tờ mượn tiền cho bà D, xác định ông H và bà C còn thiếu bà Duyên số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng), hứa trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến tháng 02/2021 âm lịch là trả dứt. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn nên ông H và bà C chưa trả dứt nợ cho bà D theo thỏa thuận; đến nay ông H và bà C đã trả cho bà D được tổng cộng là 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), chỉ còn thiếu bà Duyên số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Ngày 15/8/2023, Ủy ban nhân dân xã T có mời ông H và bà D hòa giải, tại phiên hòa giải bà D yêu cầu vợ chồng ông H, bà Chi t cho bà D mỗi tháng 3.000.000 đồng, còn ông H chỉ đồng ý trả cho bà D mỗi tháng 300.000 đồng đến khi trả xong nợ, nên phiên hòa giải không thành.

Ông H thống nhất hiện nay ông H và vợ là bà Phạm Thị C (tên gọi khác là Phạm Thị L) còn thiếu bà Duyên số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng); ông H thống nhất cùng bà Chi t cho bà Duyên số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng), nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên ông H và bà C chưa trả tiền cho bà D ngay được, mà sẽ trả tùy thuộc vào khả năng của ông H và bà C cho đến khi trả xong nợ.

- Bị đơn bà Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do và có văn bản trình bày:

Trong các năm 2017, 2018, 2019, bà Phạm Thị C và chồng là ông Nguyễn Văn H có nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị Ngọc D. Đến năm 2020, thì bà C và ông H còn thiếu bà Duyên số tiền 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng), đồng ý trả lãi thêm 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nên còn thiếu tổng cộng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Từ năm 2020 đến nay, bà C và ông H đã trả cho bà D được 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng), còn thiếu lại 24.000.000 đồng thì không có khả năng trả nữa.

Bà C xác định bà C và ông H hiện nay còn thiếu bà Duyên số tiền 24.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên không trả tiền cho bà D được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Văn H đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Phạm Thị C không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc ông H và bà C chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Duyên số tiền vay còn thiếu là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Tờ mượn tiền ngày 29/7/2020 âm lịch (Bản chính);

- Biên bản hòa giải ngày 15/8/2023 của UBND xã T (Bản chính);

- Biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn H ngày 01/11/2023 (Bản chính);

- Bản tự khai ngày 03/11/2023 của bà Phạm Thị C (Bản chính);

- Bản tự khai ngày 22/11/2023 của bà Nguyễn Thị Ngọc D (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản"*, Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị C hiện nay cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp, nên nguyên đơn khởi kiện vụ án tại Tòa án nơi bị đơn cư trú là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Bị đơn ông Nguyễn Văn H được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng

mặt tại phiên tòa và có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Phạm Thị C được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H, bà C theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D xác định bà D yêu cầu ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị C chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Duyên số tiền vay là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) và tiền lãi.

[2.2] Về tiền nợ gốc: Căn cứ vào Tờ mượn tiền ngày 29/7/2020 âm lịch, thể hiện bà D có cho ông H, bà C vay số tiền gốc là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Ông H cũng thống nhất nội dung Tờ mượn tiền ngày 29/7/2020 âm lịch là đúng, ông H có ký tên vào Tờ mượn tiền; bà C cũng xác định năm 2020 thì bà C và ông H có thiếu bà Duyên số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Từ năm 2020 đến nay, bà D và ông H, bà C xác định ông H, bà C đã trả được cho bà Duyên số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng); hiện nay ông H, bà C chưa trả cho bà Duyên số tiền là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng). Nội dung Tờ mượn tiền ngày 29/7/2020 âm lịch cho thấy tại thời điểm bà D cho ông H, bà C vay tiền thì các bên đều tự nguyện, có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch về việc cho vay tiền, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Tại Tờ mượn tiền ngày 29/7/2020 âm lịch, có nội dung đến tháng 02/2021 là trả dứt số tiền 60.000.000 đồng cho bà D, nhưng đến nay ông H, bà C không trả xong tiền cho bà D, nên ông H, bà C đã vi phạm hợp đồng vay tài sản đối với bà D. Do đó, ông H, bà C có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Đối với trình bày của ông H, bà C về việc không trả được số tiền 24.000.000 đồng cho bà D vì hiện nay ông H, bà C đang có hoàn cảnh khó khăn; do ông H, bà C là người vay tiền của bà D, nên ông H, bà C là người có nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận trình bày của ông H, bà C.

[2.4] Về tiền lãi, do bà D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Từ các nhận định nêu trên và căn cứ vào quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015: "*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*", Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D, buộc ông Nguyễn Văn

H chịu trách nhiệm liên đới trả cho bà Duyên số tiền vay là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị C phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc D.

Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị C chịu trách nhiệm liên đới trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc D số tiền vay là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Phạm Thị C phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.200.000 đồng (Một triệu, hai trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D không phải chịu án phí dân sự sơ

thẩm, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc D toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002240 ngày 27/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/12/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9, 9a Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Thùy Trang